

Số: /BC-UBND

Hoàng Trường, ngày 20 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, giai đoạn 2021 - 2025 theo theo Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 và Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện

Thực hiện quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về ban hành kế hoạch CCHC trên địa bàn giai đoạn 2021-2025, công văn số 2363/UBND-NV ngày 18/10/2021 về hướng dẫn triển khai chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Công văn số 726/UBND-NV ngày 28/3/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc báo cáo sơ kết tình hình, kết quả triển khai thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, thông thoáng hấp dẫn, giai đoạn 2021 – 2025. UBND xã Hoàng Trường báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản triển khai thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 15-11-2021 về tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04-01-2022 về Cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03-01-2023 về Cải cách hành chính năm 2023; và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ Kế hoạch đến từng Cán bộ, Công chức, từng bộ phận chuyên môn và toàn thể nhân dân, nhằm mục đích đưa công cuộc cải cách hành chính của cơ quan đạt được nhiều kết quả thiết thực.

Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 10-11-2021 về báo cáo thực hiện Cải cách hành chính năm 2021; Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 10-11-2022 về báo cáo thực hiện Cải cách hành chính năm 2022;

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính.

UBND xã đã ban hành kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 10/01/2022 tuyên truyền nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022, kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04/01/2023 tuyên truyền nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023, triển khai thực hiện đồng bộ, lồng ghép trong các buổi Hội nghị từ xã đến thôn. Tuyên truyền Kế hoạch cải cách hành chính trên hệ thống đài truyền thanh xã, thôn để toàn dân nắm bắt được chủ trương của Đảng và Nhà nước, góp phần thuận lợi hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ chung.

3. Về việc ban hành kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính; kết quả xử lý những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

UBND xã Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 25-02-2022 về tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07-01-2023 về tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2023 và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ Kế hoạch đến từng Cán bộ, Công chức, từng bộ phận chuyên môn và toàn thể nhân dân, nhằm mục đích đưa công cuộc cải cách hành chính của cơ quan đạt được nhiều kết quả thiết thực.

Phân công 1 đồng chí Phó chủ tịch UBND trực tiếp đôn đốc nhắc nhở chỉ đạo các công chức. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên giao ban, họp bàn, đánh giá rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan. Gắn trách nhiệm của mỗi Cán bộ, Công chức trong thực hiện nhiệm vụ chung, đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng đối với Cán bộ, Công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn xã để kịp thời biểu dương những cá nhân đã có thành tích, điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính tại địa phương.

4. Những sáng kiến, giải pháp về cải cách hành chính

(Không)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế.

Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Xây dựng chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân xã, thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã. Năm 2021; 2022 và quý I năm 2023, UBND xã đã ban hành 998 văn bản các loại, gồm 302 Quyết định của UBND xã, 256 Báo cáo của UBND xã, 155 Kế hoạch, 151 Tờ trình, 53 Công văn và 83 Thông báo. Qua kiểm tra, rà soát, các văn bản đều đảm bảo về thể thức, thẩm quyền ban hành, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và sát với tình hình thực tế của địa phương, khắc phục những tồn tại, hạn chế, góp phần thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực ban hành văn bản.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Từ năm 2021 đến nay đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của địa phương.

Thực hiện tốt công tác theo dõi, quản lý, lưu trữ, kiểm soát văn bản đi, văn bản đến. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã theo dõi đăng ký công văn đi trên môi trường điện tử, công văn đến trên môi trường điện tử và chuyển văn bản đến từ môi trường giấy lưu vào hộp thư điện tử, đảm bảo khoa học, thuận lợi trong việc tra cứu và sử dụng khi cần thiết, tổng số văn bản đến là 3365 trong đó 3031 trên môi trường điện tử; 334 văn bản môi trường BCCI đã được số hóa.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo, rà soát thủ tục hành chính, niêm yết công khai minh bạch quy trình, thời gian giải quyết thủ tục, thu phí, lệ phí theo quy định.

Tình hình và kết quả thực hiện cơ chế "1 cửa, 1 cửa liên thông" tại địa phương như sau: Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã là 189 thủ tục. Trong đó: số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa: 114 thủ tục. Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 75 thủ tục.

Số hồ sơ đã tiếp nhận tại Bộ phận một cửa là: 2.652 hồ sơ và giải quyết tại bộ phận Một cửa đúng thời hạn là: 2.633 hồ sơ = 99,28 %. Số hồ sơ quá hạn 19 hồ sơ = 0,72 %. Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết là 0 hồ sơ 0 %.

Trong giải quyết hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tư vấn cho các tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận giao dịch hành chính. Tại bộ phận một cửa đã trang bị máy vi tính nối mạng, máy Skan, tủ, bàn ghế, quạt gió đã đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ phận một cửa.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước.

Nắm rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức biên chế và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026.

Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể trong thực hiện công việc chung của Ủy ban nhân dân xã.

Sắp xếp Cán bộ, Công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hoá của đội ngũ Cán bộ, Công chức. Phối hợp với MTTQ và các ngành đoàn thể trong công tác xây dựng chính quyền.

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, xây dựng mối quan hệ phối hợp trong thực thi công việc giữa các Cán bộ, Công chức trong Ủy ban nhân dân nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Các hồ sơ giao dịch tại bộ phận 1 cửa được trả đúng hạn 99,28%, nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ Cán bộ, công chức thuộc bộ phận 1 cửa.

4. Cải cách công vụ.

- *Về cán bộ, công chức cấp xã:* Tổng số, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã đến thời điểm hiện tại là: **23 người.**

Trong đó:

* **Cán bộ: 11 người.**

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 11 người = 100%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Đại học 01 người = 9%; Trung cấp: 10 người = 91%.

* **Công chức: 12 người.**

Trình độ chuyên môn: Đại học: 11 người = 91,7%; Trung cấp: 01 người = 8,3 %.

Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 11 người = 100 %.

5. Cải cách tài chính công.

UBND đã ban hành xã quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND Hoàng Trường về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND Hoàng Trường về ban hành quy chế quản lý

tài sản công, đồng thời thực hiện quy chế quản lý tài sản công và chi tiêu nội bộ theo quy định của pháp luật, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện công khai dân chủ quy chế chi tiêu nội bộ. Đầu tư cho xây dựng cơ bản của địa phương và an ninh quốc phòng.

6. Xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Tất cả Cán bộ, Công chức Ủy ban nhân dân xã đều sử dụng thành thạo máy vi tính truy cập Internet để phục vụ công tác chuyên môn, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc: Sử dụng phần mềm quản lý cán bộ công chức; sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch, phần mềm kế toán - ngân sách xã...

UBND xã đang sử dụng tốt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi công việc. Đã đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc như máy Skan, máy tính nối mạng Internet.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Những ưu điểm.

Từ năm 2021 đến nay UBND xã không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung hoàn thiện nhiều cơ chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Kỷ cương, kỷ luật hành chính trong các cơ quan được tăng cường, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan.

Cải cách thủ tục hành chính triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả. Tăng cường nâng cao hiệu quả việc giải quyết TTHC theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”, từng bước nâng cao chất lượng Cải cách hành chính, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong quá trình giao dịch.

Nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nền hành chính nhà nước của địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Cải cách hành chính.

- Một số Cán bộ, Công chức sử dụng hệ thống quản lý hồ sơ công việc còn hạn chế trao đổi trên môi trường điện tử, còn để hồ sơ quá hạn 19 hồ sơ, chưa rà soát kịp thời các văn bản hết hiệu lực và văn bản mới để công khai.

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân xã, việc xây dựng Kế hoạch và triển khai, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ có lúc còn hạn chế.

Việc liên thông thủ tục giữa khai sinh và nhập khẩu cho trẻ em mới sinh còn nhiều bất cập. Một số công chức đang sử dụng máy tính cá nhân đời cũ truy cập phần mềm chậm; chưa có máy tính cho công dân tra cứu dịch vụ công.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC NHỮNG NĂM TIẾP THEO.

Tiếp tục đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản, trao đổi công việc trên môi trường điện tử..

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm những trường hợp Cán bộ, Công chức gây khó khăn, phiền hà cho các doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính, công khai kết quả giải quyết TTHC, nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, chặt chẽ, xuyên suốt và kịp thời. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được thực hiện đồng bộ, từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ nhân dân.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Đề nghị đưa vào sử dụng hệ thống dữ liệu dân cư, cho phép cán bộ, công chức được khai thác số định danh cá nhân để thực hiện công vụ. Phần mềm hồ sơ công việc phải tách riêng từng cán bộ công chức (ví dụ 2 phó chủ tịch UBND; 2 văn phòng; 2 tư pháp.. mở chung 1 tài khoản rất bất cập).

Trên đây là báo cáo công tác Cải cách hành chính giai đoạn từ 2021 đến nay , nhiệm vụ Cải cách hành chính năm tiếp theo của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Trường báo cáo Phòng Nội vụ huyện Hoàng Hóa tổng hợp.

Nơi nhận :

- UBND huyện (B/c)
- Đảng uỷ- HĐND xã (b/c);
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phạm Thảo

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2021- 2023
Theo Kế hoạch hành động số 22-KH/TU và Quyết định số 3740/QĐ-UBND

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Nhiệm vụ đã hoàn thành; thời gian trình, ban hành văn bản; kết quả, sản phẩm cụ thể (đề án, kế hoạch, chương trình, quyết định, báo cáo...)	Nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do chưa hoàn thành
1.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, môi trường, nông nghiệp, giao thông, tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tài chính ngân sách, thuế, hộ tịch, phòng cháy chữa cháy, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, điện, năng lượng, hành chính - tư pháp, an sinh xã hội...		<p>-Năm 2021:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 12/01/2021 về triển khai thi hành Luật DSS, BS một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL. + Kế hoạch 07/HK-UBND ngày 12/01/2021 về Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2021 + Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 12/01/2021 về triển khai công tác xây dựng văn bản QPPL năm 2021 + Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 14/3/2021 về kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2021. + Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 20//2021 về triển khai thi hành Luật sđ, bs một số điều của Luật XLVPHC trên địa bàn xã Hoàng Trường. + Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 12/8/2021 về Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. <p>- Năm 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 18/3/2022 về triển khai công tác xây dựng văn bản QPPL năm 2022. + Kế hoạch về kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn xã năm 2022. 	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Nhiệm vụ đã hoàn thành; thời gian trình, ban hành văn bản; kết quả, sản phẩm cụ thể (đề án, kế hoạch, chương trình, quyết định, báo cáo...)	Nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do chưa hoàn thành
			<ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch về kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn xã năm 2022. + Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 30/11/2022 về Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. + Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 30/11/2022 về Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. - Năm 2023: + Ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 16/01/2023 về triển khai công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023. + Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 16/01/2023 về tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023. + Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2023 về kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Hoàng Trường năm 2023 	
2.	Thực hiện đồng bộ các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật; thường xuyên kiểm tra việc theo dõi, thi hành pháp luật.		<ul style="list-style-type: none"> -Năm 2021: + Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 02/02/2021 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2021. + Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 23/12/2021 về công tác thi hành pháp luật về XLVPHC năm 2021. - Năm 2022: + Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 24/02/2022 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn xã Hoàng Trường năm 2022. + Báo cáo số 145/BC-UBND ngày 06/12/2022 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về phòng, 	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Nhiệm vụ đã hoàn thành; thời gian trình, ban hành văn bản; kết quả, sản phẩm cụ thể (đề án, kế hoạch, chương trình, quyết định, báo cáo...)	Nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do chưa hoàn thành
			<p>chống bạo lực gia đình, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng gia đình văn hóa năm 2022.</p> <p>+ Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 06/12/2022 về Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022.</p> <p>- Năm 2023:</p> <p>+ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 14/3/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Hoàng Trường năm 2023.</p>	
3.	<p>Rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các mẫu đơn, tờ khai không cần thiết, không hợp lý; đặc biệt là các mẫu đơn, tờ khai có thông tin trùng lặp. Rà soát, cắt giảm các khâu, các bước trong triển khai thủ tục sau cấp phép kinh doanh, cấp phép đầu tư, giao đất, cho thuê đất, cấp phép xây dựng, cấp giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.</p>			
4.	<p>Tập trung giải quyết các thủ tục hành chính, bảo đảm duy trì tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên; 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và được số hóa kết quả giải quyết; 95% tổ chức, người dân, doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của các cơ quan.</p>		<p>*Giải quyết TTHC:</p> <p>- Năm 2021: Tổng số hồ sơ được giải quyết là 626 hồ sơ, có 624 đúng hạn (đạt 99,7%); 02 hồ sơ quá hạn (0,3%).</p> <p>- Năm 2022: Tổng số hồ sơ giải quyết là 1667; có 1643 hồ sơ giải quyết đúng hạn (đạt 98,6%); 24 hồ sơ quá hạn (1,4%).</p> <p>- Năm 2023, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/4/2023: Tổng số hồ sơ giải quyết là 413; đúng hạn 413 (đạt 100%).</p>	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Nhiệm vụ đã hoàn thành; thời gian trình, ban hành văn bản; kết quả, sản phẩm cụ thể (đề án, kế hoạch, chương trình, quyết định, báo cáo...)	Nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do chưa hoàn thành
			*Hồ sơ đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến đạt 100%. *100% tổ chức, người dân, doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của cơ quan.	
5.	Rà soát các quy trình thực hiện liên thông cùng cấp và giữa các cấp; ban hành quy trình liên thông đối với nhiều thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của các ngành, địa phương theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.			
6.	Xây dựng Đề án thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đạt các tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số.			
7.	Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025.			
8.	Thí điểm mở rộng cơ chế tự chủ đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo.			
9.	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.		-100% hồ sơ công việc được trao đổi và ký số trên môi trường điện tử -100% văn bản đến được lưu trữ trên môi trường điện tử Năm 2021; 2022 đã số hóa 1 630 hồ sơ lĩnh vực	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Nhiệm vụ đã hoàn thành; thời gian trình, ban hành văn bản; kết quả, sản phẩm cụ thể (đề án, kế hoạch, chương trình, quyết định, báo cáo...)	Nhiệm vụ chưa hoàn thành; lý do chưa hoàn thành
			hộ tịch	
10.	Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2005 đến 100% UBND cấp xã.	Văn phòng UBND chủ trì	Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2005 đến tất cả cán bộ công chức UBND xã	
11.	Cam kết trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện, giải quyết nhanh chóng thủ tục cấp phép đầu tư cho doanh nghiệp, nhà đầu tư theo tiêu chí “3 không”			
12.	Tổ chức các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp; tiếp thu, giải đáp phản ánh, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh			

Phụ lục 2
DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

TT	Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản
1	60/KH-UBND	15-11-2021	UBND XÃ	Kế hoạch tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2025
2	01/KH-UBND	04-01-2022	UBND XÃ	Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2022
3	01/KH-UBND	03-01-2023	UBND XÃ	Kế hoạch về Cải cách hành chính năm 2023
4	80/BC-UBND	10-11-2021	UBND XÃ	Báo cáo thực hiện Cải cách hành chính năm 2021
5	120/BC-UBND	10-11-2022	UBND XÃ	Báo cáo thực hiện Cải cách hành chính năm 2022

Phụ lục 3**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ TTHC GIAI ĐOẠN 2021 -2023**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng PAKN được tiếp nhận	Kết quả xử lý PAKN		Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
			Đã xử lý	Chưa xử lý (Lý do)	
1.		(Không)			
2.					
3.					
4.					

Phụ lục 5
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
1	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)							
1.1	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành	Cơ quan, đơn vị						
1.2	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị						
2	Số liệu về biên chế công chức							
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22		22		22	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22		22		23	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người						
2.4	Số biên chế đã tinh giản	Người	0		0		0	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập							
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	22		22		22	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22		22		23	
3.3	Số người đã tinh giản	Người						

Phụ lục 6
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
1	Tuyển dụng công chức, viên chức							
1.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người						
1.1.1	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người						
1.1.2	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên (đối với UBND cấp huyện).	Người			01			Từ công chức TC-KT lên làm CC phòng KT-HT
1.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người						
1.3	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người						
2	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người						
3	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).							
3.1	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở, ngành bị kỷ luật	Người						
3.1.1	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người						
3.1.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở,							

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
	ngành bị kỷ luật.							
3.2	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người						
3.2.1	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người						
3.2.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người						
3.3	Số lượng cán bộ, công chức, thuộc UBND cấp xã bị kỷ luật	Người			01			Vi phạm chính sách dân số
3.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người			01			

Phụ lục 7
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu	Đơn vị tính	Số liệu	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	64	%	51.9	%	66.8	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	120250	Triệu đồng	67900	Triệu đồng	9010	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	77039	Triệu đồng	35241	Triệu đồng	6020	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)							
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc sở, ngành; thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị						
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị						
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị						
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị						
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị						
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị						
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị						
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường	Đơn vị						

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu	Đơn vị tính	Số liệu	Đơn vị tính	Số liệu	
	xuyên							
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị						

Phụ lục 8

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1		1		1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 có = 1	1		1		1	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử							
3.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100		100		100	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100		100		100	
3.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100		100		100	
3.4	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100		100		100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến							
4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100		100		100	
4.1.2	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	25		25		26	
4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	25		25		26	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
4.1.4	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	16		16		16	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	24		24		24	
4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	24		24		24	
4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	24		24		24	
4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	8		8		8	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100		100		100	
4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của đơn vị	Thủ tục	49		49		49	
4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	49		49		49	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	100		100		100	
4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	575		1659		418	
4.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ						
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành	%						

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê						Ghi chú
		Năm 2021		Năm 2022		Quý 1 năm 2023		
		Đơn vị tính	Số liệu					
	toán trực tuyến							
4.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	275		1659		418	
4.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>						